

Số: 1129/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 15 tháng 3 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/06/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4356/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 0901/CVViyle ngày 09/10/2023 của Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam) về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Dự án vật liệu trang trí Viyilesun Việt Nam"; Văn bản 2902/CVViyl ngày 29/02/2024 của Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam) về việc giải trình, chỉnh sửa hồ sơ của dự án và hồ sơ đã hoàn thiện;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam) có địa chỉ tại Lô CN16-04, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án

“Dự án vật liệu trang trí Viyilesun Việt Nam” tại Lô CN16-04, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án vật liệu trang trí Viyilesun Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN16-04, Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9875002111 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/06/2023 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất ngày 15/09/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0202206356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 04/07/2023 và thay đổi lần thứ nhất ngày 21/09/2023.

1.4. Mã số thuế: 0202206356.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm màng PVC và cho thuê nhà xưởng dôi dư.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 23.165 m<sup>2</sup>;

- Quy mô, công suất:

+ Các sản phẩm từ màng PVC: 52.000.000 m/năm;

+ Cho thuê nhà xưởng dôi dư: diện tích dự kiến 1.000 m<sup>2</sup>.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam):

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.5. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 đến ngày 15 tháng 3 năm 2034).

**Điều 4.** Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi Trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

**Nơi nhận:**

- UBND TP (đề b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo Ban;
- Các UBND: phường Đông Hải 2; quận Hải An;
- Công ty TNHH Công nghệ vật liệu mới Viyilesun (Việt Nam);
- Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT. ✓

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**Bùi Ngọc Hải**

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1111.9/GPMT-BQL ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả thải trực tiếp ra môi trường).

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1)) trong đó bao gồm các tiện ích liên quan đến thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ dự án.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

*\* Đối với giai đoạn 1:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án: Nước thải sinh hoạt (từ nhà bảo vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải nhà ăn từ hoạt động của dự án được dẫn về bể tách mỡ 3 ngăn để xử lý, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

*\* Đối với giai đoạn 2:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án: Nước thải sinh hoạt (từ nhà bảo

vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân, kho 3) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải nhà ăn từ hoạt động của dự án được dẫn về bể tách mỡ 3 ngăn để xử lý, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của đơn vị thuê kho 2: Nước thải sinh hoạt (từ kho 2) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

*\* Đối với giai đoạn 1:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tự hoại 3 ngăn;

+ Nước thải từ nhà ăn (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tách mỡ 3 ngăn;

+ Nước thải sau hệ thống bể tự hoại, bể tách mỡ → bể điều hòa P → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hố ga cuối cùng của dự án → đầu nối vào hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1). Bùn dư từ bể lắng sinh học được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và còn lại đưa về bể chứa bùn, định kỳ chuyên giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 48 m<sup>3</sup>;

+ 01 bể tách mỡ 3 ngăn, dung tích 9 m<sup>3</sup>;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, mật ri đường, PAC.

\* Đối với giai đoạn 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tự hoại 3 ngăn

+ Nước thải từ nhà ăn (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tách mỡ 3 ngăn

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ đơn vị thuê kho) → bể tự hoại 3 ngăn;

+ Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hố ga cuối cùng của dự án → đầu nối vào hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu I). Bùn dư từ bể lắng sinh học được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và còn lại đưa về bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ 07 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 60 m<sup>3</sup> (chủ dự án sử dụng 06 bể, tổng dung tích 54 m<sup>3</sup> tại nhà bảo vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân, kho 3 và đơn vị thuê kho sử dụng 01 bể, dung tích 6 m<sup>3</sup> tại kho 2);

+ 01 bể tách mỡ 3 ngăn, dung tích 9 m<sup>3</sup>;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, mật ri đường, PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã được xây dựng.

## Phụ lục 1

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả thải trực tiếp ra môi trường).

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất và sử dụng cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1)) trong đó bao gồm các tiện ích liên quan đến thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ dự án.

#### **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

##### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

*\* Đối với giai đoạn 1:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án: Nước thải sinh hoạt (từ nhà bảo vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải nhà ăn từ hoạt động của dự án được dẫn về bể tách mỡ 3 ngăn để xử lý, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

*\* Đối với giai đoạn 2:*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của dự án: Nước thải sinh hoạt (từ nhà bảo

vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân, kho 3) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải nhà ăn từ hoạt động của dự án được dẫn về bể tách mỡ 3 ngăn để xử lý, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của đơn vị thuê kho 2: Nước thải sinh hoạt (từ kho 2) được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó cùng với nước thải từ bồn rửa tay thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (để xử lý thứ cấp) của nhà máy trước khi đầu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Đối với giai đoạn 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tự hoại 3 ngăn;

+ Nước thải từ nhà ăn (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tách mỡ 3 ngăn;

+ Nước thải sau hệ thống bể tự hoại, bể tách mỡ → bể điều hòa P → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hố ga cuối cùng của dự án → đầu nối vào hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1). Bùn dư từ bể lắng sinh học được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và còn lại đưa về bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ 05 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 48 m<sup>3</sup>;

+ 01 bể tách mỡ 3 ngăn, dung tích 9 m<sup>3</sup>;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, mật ri đường, PAC.



\* Đối với giai đoạn 2:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tự hoại 3 ngăn

+ Nước thải từ nhà ăn (phát sinh từ hoạt động của dự án) → bể tách mỡ 3 ngăn

+ Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh từ đơn vị thuê kho) → bể tự hoại 3 ngăn;

+ Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hố ga cuối cùng của dự án → đầu nối vào hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu I). Bùn dư từ bể lắng sinh học được tuần hoàn một phần về bể thiếu khí và còn lại đưa về bể chứa bùn, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công suất thiết kế:

+ 07 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 60 m<sup>3</sup> (chủ dự án sử dụng 06 bể, tổng dung tích 54 m<sup>3</sup> tại nhà bảo vệ, nhà văn phòng, kho 1, nhà vệ sinh của xưởng, nhà nghỉ ca công nhân, kho 3 và đơn vị thuê kho sử dụng 01 bể, dung tích 6 m<sup>3</sup> tại kho 2);

+ 01 bể tách mỡ 3 ngăn, dung tích 9 m<sup>3</sup>;

+ 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, mật ri đường, PAC.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Đảm bảo vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành đã được xây dựng.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với công trình xử lý nước thải, Công ty kịp thời liên hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư Sao Đỏ để được hướng dẫn cụ thể trước khi đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

*\* Đối với giai đoạn 1:*

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm gồm 05 bể tự hoại 3 ngăn, 01 bể tách mỡ 3 ngăn, 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (15 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (mẫu đầu vào) và 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (mẫu đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

*\* Đối với giai đoạn 2:*

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm gồm 07 bể tự hoại 3 ngăn, 01 bể tách mỡ 3 ngăn, 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (15 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (mẫu đầu vào) và 01 mẫu nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (mẫu đầu ra).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1).



2.3. Tần suất lấy mẫu: Đảm bảo ít nhất 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.4. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu phi thuế quan và Khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1) để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: khí thải từ chuyen in số 01;
- Nguồn số 02: khí thải từ chuyen in số 02;
- Nguồn số 03: khí thải từ chuyen in số 03;
- Nguồn số 04: khí thải từ chuyen in số 04;
- Nguồn số 05: khí thải từ chuyen in số 05;
- Nguồn số 06: khí thải từ chuyen in số 06;
- Nguồn số 07: khí thải từ chuyen in số 07;
- Nguồn số 08: khí thải từ chuyen in số 08;
- Nguồn số 09: khí thải từ máy trộn mực in số 01;
- Nguồn số 10: khí thải từ máy trộn mực in số 02;
- Nguồn số 11: khí thải từ máy trộn mực in số 03;
- Nguồn số 12: khí thải từ máy trộn mực in số 04;
- Nguồn số 13: khí thải từ máy trộn mực in số 05.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Dòng khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: tương ứng với 01 ống thoát khí của hệ thống xử lý UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ (tính với các nguồn số 01 đến số 13). Tọa độ: X (m) = 2301200; Y(m) = 609512;

(Hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45')

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: 140.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả liên tục ra ngoài môi trường qua ống thoát khí trong các ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu giám sát	Đơn vị	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Vinylclorua	mg/Nm <sup>3</sup>	20		
3	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	1400		
4	N-Butyl Axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	950		
5	Cyclohexanon	mg/Nm <sup>3</sup>	400		
6	Methyl Axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	610		
7	n-Butanol	mg/Nm <sup>3</sup>	360		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ các chuyền in số 01, số 02, số 03, số 04, số 05, số 06, số 07, số 08 và các máy trộn mực in số 01, số 02, số 03, số 04, số 05 được thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ để xử lý;

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- 01 hệ thống xử lý UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ (ứng với các nguồn từ số 01 đến số 13):

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → đường ống dẫn → thiết bị UV kết hợp than hoạt tính → quạt hút → tháp hấp thụ (nước) → ống thoát khí;

+ Công suất thiết kế: 140.000 m<sup>3</sup>/giờ;

+ Vật liệu hấp phụ: than hoạt tính, màng lọc (thực hiện thay thế định kỳ đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống).

#### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý bụi, khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm

01 hệ thống xử lý UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3. Thời gian, tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.4. Vị trí và thông số quan trắc:

- 01 ống thoát khí tại hệ thống xử lý UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Thông số quan trắc: lưu lượng; Vinylclorua; Etylaxetat; N-Butyl Axetat; Cyclohexanon; Methyl Axetat; n-Butanol.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở

bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.5. Công ty chịu trách nhiệm định kỳ hàng năm quan trắc môi trường lao động theo đúng quy định hiện hành để đảm bảo môi trường làm việc và sức khỏe của người lao động tại nhà máy.

## Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: quạt hút tại xử lý UV kết hợp than hoạt tính và hấp thụ nước, lưu lượng 140.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Nguồn số 02: khu vực phòng máy nén khí;
- Nguồn số 03: khu vực phòng máy phát điện dự phòng;
- Nguồn số 04: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung;
- Nguồn số 05: khu vực in ống đồng tại xưởng sản xuất;
- Nguồn số 06: khu vực trộn mực in tại xưởng sản xuất.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tọa độ X(m) = 2301606; Y(m) = 609742;
- Nguồn số 02: Tọa độ X(m) = 2301494; Y(m) = 609778;
- Nguồn số 03: Tọa độ X(m) = 2301624; Y(m) = 609772;
- Nguồn số 04: Tọa độ X(m) = 2301804; Y(m) = 609511;
- Nguồn số 05: Tọa độ X(m) = 2301631; Y(m) = 609736;
- Nguồn số 06: Tọa độ X(m) = 2302590; Y(m) = 610715.

*(theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3<sup>0</sup>)*

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường



QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Trên đường giao thông nội bộ, quy định giảm tốc độ của các phương tiện vận tải.

- Các xe chuyên chở cần phải bảo dưỡng định kỳ. Bố trí các xe chuyên chở vào các thời điểm thích hợp, tránh những giờ cao điểm để gây ùn tắc giao thông, cộng hưởng tiếng ồn.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024  
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, vải mềm thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	1.266	18 02 01
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	6.490	18 01 02
3	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là CTNH)	Rắn	6	18 01 03
4	Mực in thải (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất)	Rắn	88	08 02 01
5	Chất tẩy rửa, phụ gia mực in thải	Rắn	22	08 03 01
6	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	26.560,8	12 01 04
7	Ấc quy chì thải	Rắn	50	19 06 01
8	Nước thải có thành phần nguy hại	Lỏng	28.000	19 10 01
<b>Tổng</b>			<b>62.482,8</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 100,915 tấn/năm gồm:

- Chất thải rắn công nghiệp có thể tái chế gồm màng trắng PVC lõi hồng, đầu mẫu, bavia, sản phẩm lõi hồng; bao bì đựng nguyên liệu, nilon, lõi cuộn băng dính, thùng bìa Carton,... với khối lượng là 99,97 tấn/năm;

+ Chất thải rắn công nghiệp phải xử lý gồm bao bì đựng nguyên liệu rách hồng, nilon, lõi cuộn băng dính, thùng bìa Carton,... và bùn thải với khối lượng là 0,945 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: bao gồm chất thải từ văn phòng, chất thải do sinh hoạt và hoạt động ăn uống của người lao động: 43 kg/ngày ~ 13,42 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:***

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: 01 kho, diện tích 31 m<sup>2</sup>;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đối với mã chất thải dạng lỏng có bố trí các biện pháp chống rò rỉ, tràn đổ ra ngoài, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:***

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn và đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: 02 kho, tổng diện tích 144 m<sup>2</sup> (01 kho chứa chất thải công nghiệp thông thường, diện tích 42 m<sup>2</sup> và 01 kho chứa phế liệu, diện tích 102 m<sup>2</sup>).

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tranh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:***

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng chứa có nắp đậy có dung tích 240 lít/thùng, 120 lít/thùng, 20 lít/thùng tại khu vực nhà văn phòng, nhà ăn, khuôn viên nhà máy, xưởng sản xuất.

- Kho lưu chứa: 01 kho, diện tích 17 m<sup>2</sup>;

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao và mái che, mặt sàn đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt theo Quyết định 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng: Chất thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 03 loại: chất thải cơ khía nang tại sử dụng, tại chế; chất thải thực phẩm; chất thải sinh hoạt khác. Sau khi phân loại, chất thải sinh hoạt được lưu chứa trong các bao bì/thùng chứa riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết từng loại chất thải. Thực hiện các quy định hiện hành khác về phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt.

- Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-BQL ngày... tháng... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.
  2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.
  3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
  4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu đề xảy ra sự cố môi trường.
- 

